

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2021

V/v Xin ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Anh Dũng

2. Ông Trần Thanh Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: *Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Mỹ T, sinh năm 1990 nơi đăng ký thường trú số 184/14, ấp Bình H, xã Bình Hòa Ph, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm 1986, nơi đăng ký thường trú ấp Bình H, xã Bình Hòa Ph, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 30/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ T trình bày:

Anh Nguyễn Phú Q và chị Cao Thị Mỹ T tự tìm hiểu quen biết nhau, được gia đình hai bên chấp nhận nên có tổ chức đám cưới tháng 11 năm 2011. Anh Q và chị T không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân là do lúc về sống chung anh Q thường hay đi làm ăn xa không có ở nhà nên không có đi đăng ký kết hôn.

Anh Q và chị T sống chung tại xã Bình Hòa Ph, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, sống chung hạnh phúc được khoảng 03 năm và có 01 con chung tên Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013, hiện cháu H đang sống chung với anh Q.

Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh Q do trong thời gian sống chung anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, do đời sống kinh tế tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay bất hòa cự cãi với nhau về kinh tế gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh Q và chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành, sống chung không hạnh phúc. Anh Q và chị T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2014 cho đến nay, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Chị T xác định tình cảm với anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú Q.

- Về con chung: cháu Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013 chị T yêu cầu để anh Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh Q và chị T tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu nào khác.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Phú Q:*

Anh Q thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung và mâu thuẫn gia đình là đúng, chị T và anh Q không có đăng ký kết hôn nên khi sinh cháu H đi đăng ký khai sinh của cháu để họ mẹ. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị T và đã sống ly thân lâu, đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Mỹ T.

- Về con chung: Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013 anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Tiên phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Q và chị T tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn trình bày gì thêm.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn Cao Thị Mỹ T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú Q. Về con chung cháu Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013 chị T đồng ý giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản Anh Q và chị T tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phú Q thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Chị T xin ly hôn anh Q thì anh đồng ý. Về con chung cháu Cao Thị Ngọc Thu H anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu

cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản anh Q và chị T tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị Mỹ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Phú Q cư trú tại ấp Bình H, xã Bình Hòa Ph, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phú Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 không đăng ký kết hôn. Do đó, về hôn nhân anh, chị đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên giữa chị Cao Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phú Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung: Cháu Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013, chị T đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Phú Q đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh, chị. Chị T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Q không được ngăn cản.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phú Q thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Cao Thị Mỹ T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, 15, 53,81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phú Q.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Cao Thị Ngọc Thu H, sinh ngày 07/01/2013 cho anh Nguyễn Phú Quốc tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cao Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị Mỹ T và anh Nguyễn Phú Q không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Cao Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0006611 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Vậy chị Cao Thị Mỹ T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- UBND xã Bình Hòa Ph 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm